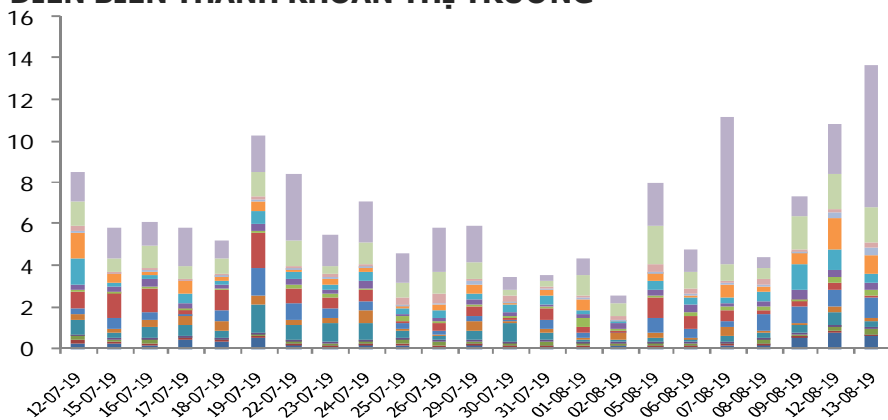


## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CW

<b>Số lượng mã CW</b>	<b>16</b>
<b>Số lượng mã cổ phiếu cơ sở</b>	<b>6</b>
<b>Phân bù rủi ro bình quân</b>	<b>13,53</b>
<b>Tỷ lệ đòn bẩy bình quân</b>	<b>4,83x</b>
<b>Ngày giao dịch cuối cùng trung bình</b>	<b>2-11-2019</b>

## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG



## 5 MÃ CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CFPT1901	■	■	■	■	■	4,8
CFPT1902	■	■	■	■	■	4,8
CMBB1901	■	■	■	■	■	4,6
CFPT1903	■	■	■	■	■	4,4
CHPG1903	■	■	■	■	■	4,2

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

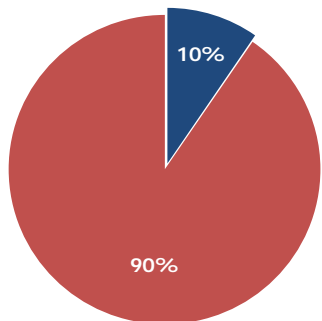
- Thị trường chứng quyền tiếp tục bất ổn trong phiên ngày thứ 3 với mức tăng trên diện rộng bất chấp thị trường cơ sở giảm sâu. Giá trị khớp lệnh bùng nổ, đạt mức cao nhất từ trước tới nay. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng ở mã CMBB1901 trong khi bán ròng ở 4 mã: CVNM1901, CHPG1902, CFPT1903 và CMWG1904
- Dừng lúc đóng cửa, đã có hơn 2,55 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 13,65 tỷ đồng. So với phiên hôm qua, khối lượng CW giảm nhẹ 6,7% tuy nhiên giá trị giao dịch lại có phiên bùng nổ, đạt mức cao nhất từ trước tới nay và tăng 26%. Việc giá trị giao dịch tăng vọt là do mã CMWG1904 có phiên giao dịch sôi động hơn 200 nghìn chứng quyền và mức giá cũng cao nhất kể từ trước tới nay. Thanh khoản thị trường tiếp tục vượt ngưỡng bình quân 5 phiên trước 30,4% về khối lượng và 76,8% về giá trị. Tiếp tục một phiên tăng trên diện rộng, độ rộng thị trường ghi nhận có 13 mã tăng và chỉ 3 mã giảm. Thanh khoản quy đổi ở các mã tăng chiếm tới 86% toàn thị trường so với mức 14% ở các mã giảm.
- Mặc dù thanh khoản tiếp tục cao hơn so với mức bình quân ở tuần trước nhưng thanh khoản quy đổi ở các mã phiên này chỉ có cụm ở 2 mã nổi bật là: CHPG1904(15,3%), CMWG1904(17,8%),...
- Dù độ rộng thị trường phiên này khá tốt nhưng mức tăng ở các mã CW tương đối thấp, bình quân chỉ đạt 1,76% so với mức 10,11% ở phiên ngày hôm qua. Tuy vậy, đây cũng là phiên thứ 5 liên tiếp tỷ lệ các mã tăng vẫn chiếm trên 81% toàn thị trường.
- Nổi bật phiên này là các mã CW của MWG, việc cổ phiếu cơ sở này liên tục tìm đỉnh mới đã khiến cả 4 mã CW có phiên lợi ngược dòng thành công, nhìn chung các mã CW của MWG vẫn quá khỏe, chỉ điều chỉnh trong phiên sáng và trở lại đường đua ngay trong phiên chiều. Ngoài các mã CW của MWG thì các mã CW của MBB cũng hết sức ấn tượng, đây đã là phiên tăng thứ 4 liên tiếp của 2 mã CW này. Tiếp tục khuyến nghị nắm giữ đối với các mã FPT, PNJ, MBB. Có thể mở vị thế mới đối với các mã CW của MWG và HPG.

KHUYẾN NGHỊ - MUA		CHPG1905
Cổ phiếu cơ sở		HPG
Giá thực hiện		23100 đồng (ITM 1,49%)
Tỷ lệ thực hiện		1:1
Ngày giao dịch cuối cùng		26-12-2019
Số ngày còn lại		139 ngày

### CHỈ SỐ KỸ THUẬT - CHPG1905

Tiêu chí	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	3,78 lần
Độ nhạy	1,49
Hao mòn thời gian	-0,01%
Độ biến động nội hàm	61,13%
Phần bù rủi ro	14,12%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	<b>Tốt</b> ★ ★ ★ ★
<b>Phù hợp</b>	
Nhà đầu tư ngắn hạn (≤5 ngày)	✔
Nhà đầu tư trung dài hạn (>5 ngày)	✔

### CẤU THÀNH GIÁ TRỊ



■ Giá trị nội tại (VND)  
■ Giá trị thời gian (VND)

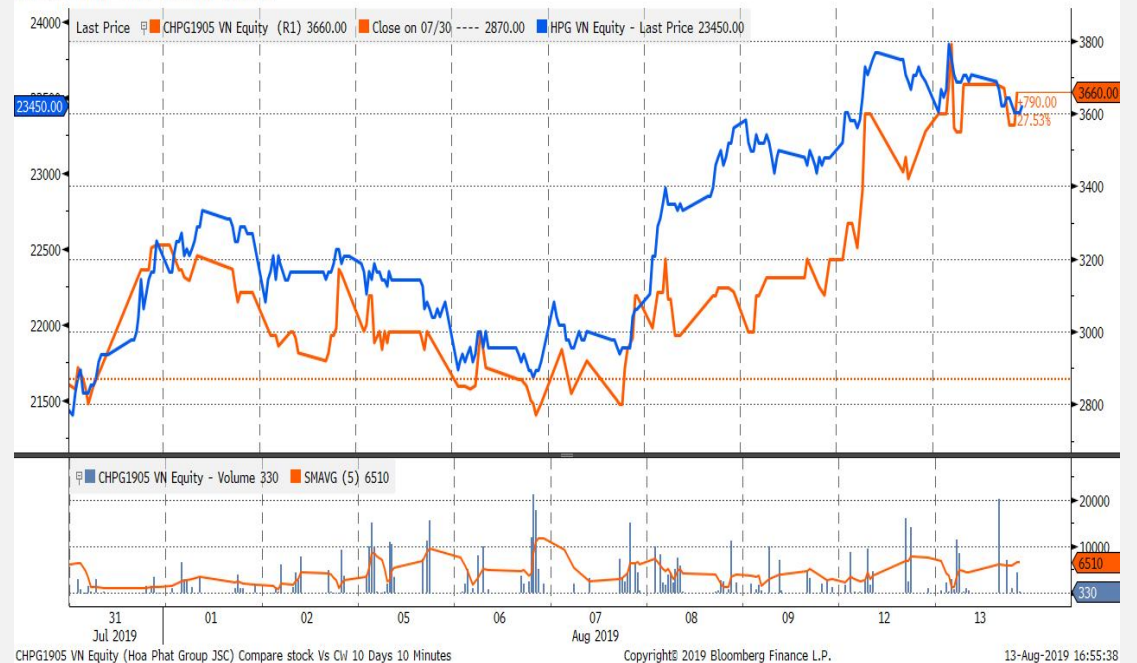
### KHUYẾN NGHỊ CHỨNG QUYỀN

Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với CW CHPG1905, dựa trên các luận điểm sau:

- Bất chấp phiên giảm giá của cổ phiếu HPG ngày hôm nay, CW hiện vẫn đang ở trạng thái ITM 1,49%, với đòn bẩy hiệu quả đang ở mức 3,78 lần. Chứng quyền CHPG1905 còn thời gian giao dịch dài (139 ngày) và độ biến động nội hàm 61,13% vẫn nằm trong top những CW có độ biến động nội hàm thấp nhất cho thấy CW này còn đang rẻ hơn tương đối so với các CW còn lại.
- Về kỹ thuật, cổ phiếu HPG duy trì trend tăng ngắn hạn, các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu mua củng cố đà tăng của cổ phiếu.
- Về cơ bản, bằng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu HPG với giá mục tiêu là 32.500 đồng (tăng 38,5% so với giá ngày 13/08).

### ĐỒ THỊ CHỨNG QUYỀN

**Diễn biến giá CPCS và Chứng quyền**  
So sánh giá HPG và CHPG1905



## CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

HPG	2016	2017	2018	1H 2019
Doanh thu (tỷ vnd)	33.283	46.162	55.837	30.061
Lãi ròng (tỷ vnd)	6.602	8.007	8.573	3.860
EPS (vnd)	7.833	5.278	4.036	
ROA( )	22,5%	18,6%	13,1%	
ROE( )	38,5%	30,7%	23,5%	
P/E (lần) (TTM EPS)	2,88	4,27	5,59	8,14
P/B (lần) (TTM BVPS)	0,96	1,06	1,18	1,48

## CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Các đường trung bình động			Chỉ báo kỹ thuật	Hành động
<b>Kỳ</b>	<b>SMA</b>	<b>EMA</b>	<b>RSI(14)</b>	<b>Buy</b>
MA5	23,128	23,202	STOCH(9,6)	Buy
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	Fear Greed	Buy
MA10	22,714	22,768	MACD(12,26)	Buy
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	ADX(14)	Buy
MA20	22,130	22,515	Williams %R	Oversold
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	CCI(14)	Buy
MA50	22,447	22,701	MAOs	Buy
	<b>Buy</b>	<b>Buy</b>	Momentum	Buy
MA100	23,673	23,403	Bollinger band	Buy
	<b>Sell</b>	<b>Buy</b>	ROC	Buy
MA200	24,646	24,823	Psar	Buy
	<b>Sell</b>	<b>Sell</b>		

Buy:09; Sell: 03;

Buy: 11; Sell: 0;

Summary: **BUY**

Summary: **BUY**

## NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU CƠ SỞ - HPG

- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của các dự án mới, đặc biệt là dự án Khu liên hợp thép Dung Quất, sẽ nâng cao đáng kể năng lực sản xuất và doanh thu của công ty - gấp đôi công suất của thép dài và sản phẩm HRC mới giúp HPG tấn công vào thị trường tôn mạ.
- Năm 2019, HPG tập trung vào mục tiêu thị phần thay vì tỷ suất lợi nhuận, tăng trưởng về sản lượng bán hàng và thị phần sẽ mở rộng đáng kể - thị phần sẽ tăng từ 23% hiện tại lên hơn 30%. Vì vậy triển vọng dài hạn của HPG là rất tích cực, do ngành thép Việt Nam còn nhiều tiềm năng.
- KQKD 6T2019, DT của HPG đạt 30.061 tỷ (tăng 10,26%) và LNST đạt 3.860 tỷ (giảm 13,7%) so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm chưa có đóng góp của khu liên hợp thép Dung Quất. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với việc nhà máy Dung Quất đi vào hoạt động chúng tôi kỳ vọng KQKD sẽ tăng trưởng tốt trong cuối năm 2019 và năm 2020. Chúng tôi dự phóng DT và LNST năm 2019 lần lượt đạt 71.500 tỷ đồng và 8.660 tỷ đồng, EPS năm 2019 đạt 3.137 đồng/CP. Bằng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu HPG với giá mục tiêu là 32.500 đồng (tăng 38,5% so với giá ngày 13/08).

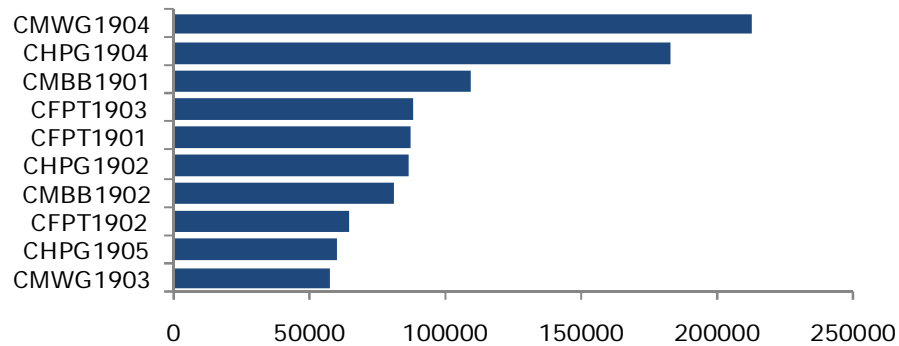
## ĐỒ THỊ CỔ PHIẾU CƠ SỞ - HPG



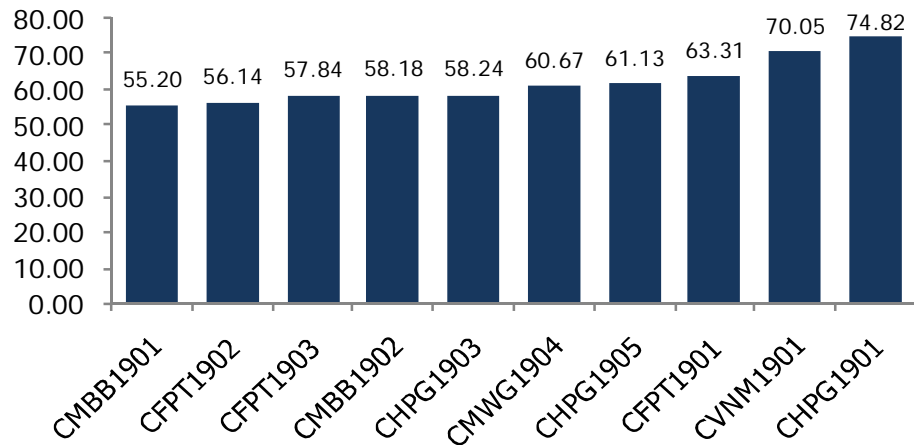
### 5 MÃ CW CÓ MỨC SINH LỜI T+3 CAO NHẤT

Mã CW	1 ngày (%)	3 ngày (%)	5 ngày (%)	YTD (%)
CFPT1902	2,82	32,73	55,32	46,00
CFPT1903	1,73	29,87	43,47	48,59
CMWG1902	3,85	26,85	55,43	192,57
CHPG1901	0,92	25,00	77,42	-11,29
CHPG1904	5,00	22,81	45,83	-8,70

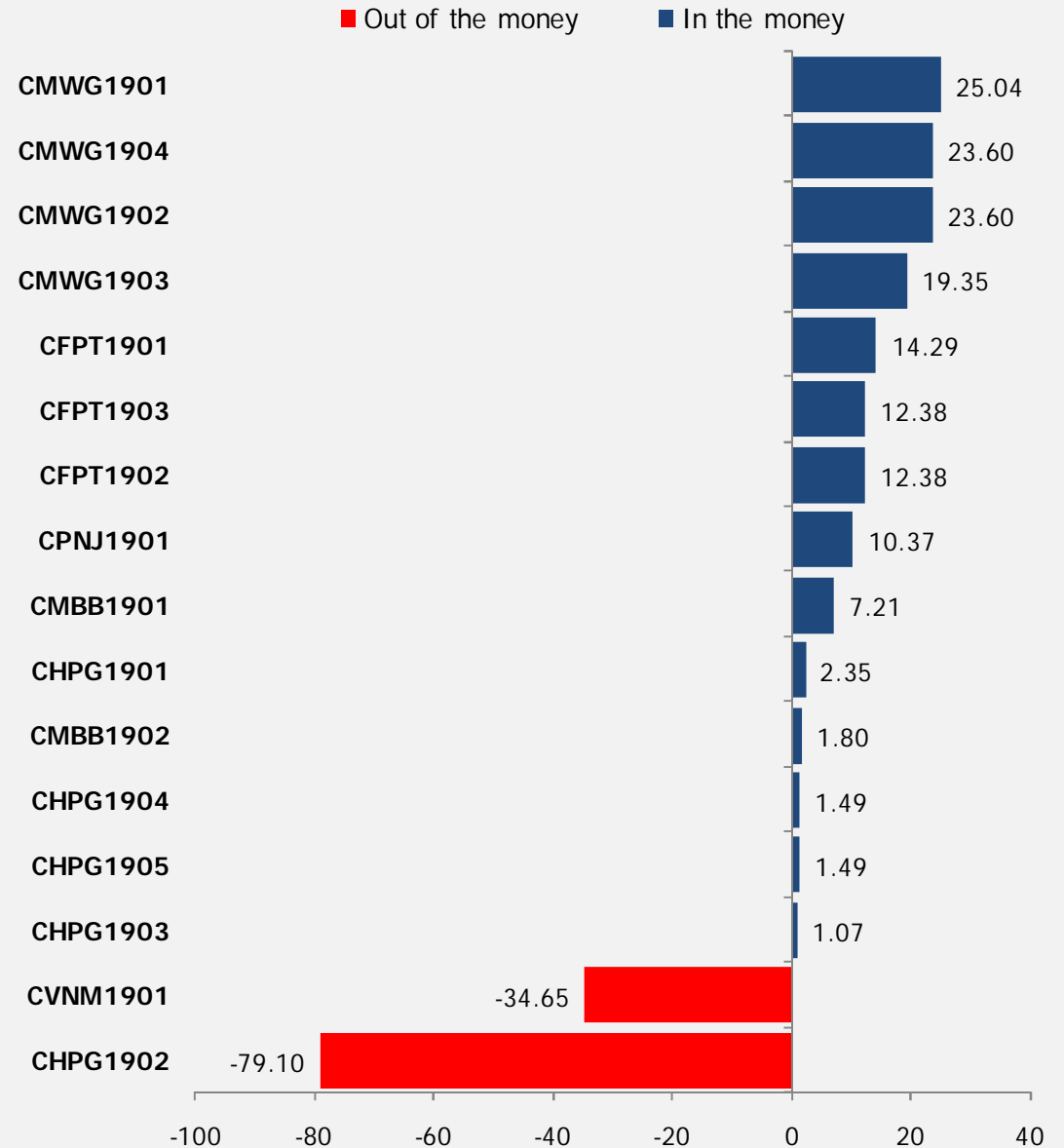
### 10 MÃ CW CÓ KLGD QUY ĐỔI CPCS CAO NHẤT



### 10 MÃ CW CÓ ĐỘ BIẾN ĐỘNG NỘI HÀM THẤP NHẤT



### TRẠNG THÁI LÃI/LỖ CỦA CW LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG



## CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
1	CFPT1901	VND	FPT	2	45.000	9-9-19	52.500	0,38	3.810	1,60	3.257	14,29	5,42	3,36	78,62	0,00	63,31	0,23	175.010	0,68
2	CFPT1902	SSI	FPT	1	46.000	26-9-19	52.500	0,38	7.300	2,82	5.576	12,38	5,25	5,58	73,05	0,00	56,14	1,52	64.490	0,46
3	CFPT1903	SSI	FPT	1	46.000	26-12-19	52.500	0,38	10.000	1,73	6.000	12,38	3,55	4,06	67,68	0,00	57,84	6,67	88.320	0,88
4	CHPG1901	MBS	HPG	2	22.900	6-9-19	23.450	-0,64	1.100	0,92	525	2,35	6,25	0,70	58,63	-0,03	74,82	7,04	55.180	0,06
5	CHPG1902	KIS	HPG	5	41.999	9-12-19	23.450	-0,64	520	-5,45	0	-79,10	2,96	0,00	32,86	-83,65	126,16	90,19	434.380	0,24
6	CHPG1903	VPS	HPG	2	23.200	10-9-19	23.450	-0,64	840	-6,67	453	1,07	7,80	0,75	55,87	-0,03	58,24	6,10	67.140	0,06
7	CHPG1904	SSI	HPG	1	23.100	26-9-19	23.450	-0,64	2.100	5,00	-	1,49	11,17	#DIV/0!	100,00	#VALUE!	0,00	7,46	182.640	0,37
8	CHPG1905	SSI	HPG	1	23.100	26-12-19	23.450	-0,64	3.660	3,10	1.843	1,49	3,78	1,49	59,04	-0,01	61,13	14,12	60.350	0,22
9	CMBB1901	SSI	MBB	1	20.600	12-9-19	22.200	1,37	2.590	7,92	1.668	7,21	5,87	2,20	68,43	-0,01	55,20	4,46	109.580	0,26
10	CMBB1902	HSC	MBB	1	21.800	13-12-19	22.200	1,37	3.190	6,33	1.095	1,80	4,10	1,01	58,87	-0,01	58,18	12,57	80.910	0,25

### CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phần bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
11	CMWG1901	BSC	MWG	4	88.300	5-9-19	117.800	0,68	7.900	0,64	7.375	25,04	3,29	2,06	88,26	0,00	100,84	1,78	117.020	0,91
12	CMWG1902	VND	MWG	4	90.000	9-12-19	117.800	0,68	9.450	3,85	6.959	23,60	2,44	1,44	78,21	0,00	90,06	8,49	8.710	0,08
13	CMWG1903	HSC	MWG	5	95.000	24-12-19	117.800	0,68	5.830	0,17	4.603	19,35	3,16	1,23	78,20	0,00	58,13	5,39	290.360	1,68
14	CMWG1904	SSI	MWG	1	90.000	26-12-19	117.800	0,68	33.080	1,97	27.865	23,60	2,91	6,89	81,76	0,00	60,67	4,48	212.540	6,82
15	CPNJ1901	MBS	PNJ	5	77.980	6-9-19	87.000	1,52	2.800	15,70	1.853	10,37	4,45	0,95	70,82	-0,02	94,76	5,56	121.700	0,34
16	CVNM1901	KIS	VNM	10	158.888	11-12-19	118.000	-2,16	690	-11,54	0	-34,65	4,81	0,00	28,14	-21,41	70,05	40,50	480.020	0,34

Nguồn: Bloomberg



## BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
<b>Đòn bẩy hiệu quả</b> (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Ví dụ một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi xấp xỉ khoảng 10%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi/lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn.
<b>Độ nhạy</b> (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
<b>Hao mòn thời gian</b> (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của DW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các DW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
<b>Độ biến động nội hàm</b> (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
<b>Phần bù rủi ro</b> (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
<b>Giá trị nội tại</b> (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. <b>Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện) * Tỷ lệ thực hiện, 0);</b> <b>Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS) * Tỷ lệ thực hiện, 0).</b>
<b>Giá trị thời gian</b> (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. <b>Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian</b>
<b>Giá lý thuyết theo BS</b>	Mức giá lý thuyết của CW tính theo mô hình Black Scholes continuous của Bloomberg.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ COVERED WARRANT

### 1. Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số của mỗi CW

Tiêu chí / Q-score	Không hấp dẫn Q (x) = 0	Ít hấp dẫn Q (x) = 1	Trung lập Q (x) = 2	Tương đối hấp dẫn Q (x) = 3	Hấp dẫn Q (x) = 4	Rất hấp dẫn Q (x) = 5
<b>Đòn bẩy hiệu quả (E)</b>	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
<b>Độ nhạy (S)</b>	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
<b>Hao mòn thời gian (T)</b>	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
<b>Độ biến động nội hàm (I)</b>	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
<b>Phần bù rủi ro (P)</b>	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

### 2. Tổng điểm chất lượng của CW là giá trị trung bình có trọng số của các chỉ số phụ được tính trong bước 1.

	Q (E)	Q (S)	Q (T)	Q (I)	Q (P)
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	40%	40%	20%	0%	0%
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	10%	10%	35%	10%	35%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	20%	20%	20%	20%	20%

### 3. Đánh giá tổng điểm chất lượng của CW

Diễn giải	
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	Nếu tổng điểm ngắn hạn >3 , CW phù hợp cho việc nắm giữ trong ngắn hạn (≤ 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	Nếu tổng điểm trung – dài hạn >3, CW phù hợp cho việc nắm giữ trong trung và dài hạn (> 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	Tổng điểm chất lượng cho biết chất lượng tổng thể của CW



## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2019 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	<a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>
Ngô Quốc Hưng	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hung.ngoquoc@mbs.com.vn">hung.ngoquoc@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Quỳnh Hoa	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn">hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn</a>
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:ha.nguyenthihai@mbs.com.vn">ha.nguyenthihai@mbs.com.vn</a>